

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày 27-5-2022

*V/v: Tranh chấp về kết
quả bán đấu giá tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đình Ry và ông Nguyễn Đình Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2021/TLST-DS ngày 08/12/2021 về việc “*Tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS ngày 20/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1981 – vắng mặt.

Địa chỉ: Số X, phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Bà Lưu Thị Thu H, sinh năm 1976 – có mặt.

Địa chỉ: Buôn P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số M, phường C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B: Ông Nguyễn Huy Th – Phó chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B - có mặt.

Văn bản ủy quyền số 248/UQ-CCTHADS ngày 10/12/2021.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Văn Đ – vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số N, tổ dân phố Z, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lưu Thị Thu H trình bày có nội dung: Ngày 27/11/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B đưa ra bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Ánh Tr2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B8506XX do UBND huyện K (nay là thị xã B) cấp ngày 17/03/1993, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 01, tổng diện tích là 1.979 m²; giá khởi điểm là 1.105.629.720 đồng. Trong tài sản đưa ra đấu giá có: 1 căn nhà cấp IV, diện tích 70 m² của ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 có giá trị 99.371.778 đồng. Bà S đã tham gia đấu giá theo đúng quy định của pháp luật và là người trúng đấu giá với giá mua tài sản là 1.115.700.000 đồng (trong đó có phần tài sản của ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Tr1).

Ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá, các bên đã lập và ký kết Hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng đã được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Và bà S đã nộp đủ tiền mua tài sản đấu giá vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 20/12/2019, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B đã bàn giao tài sản cho bà S. Tuy nhiên, khi bàn giao thì phần tài sản của ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 đã bị ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 phá dỡ, không còn giá trị sử dụng nên không thể bàn giao cho bà S theo như đúng Hợp đồng mua bán tài sản hai bên đã ký kết.

Bà S đã nhiều lần yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B bàn giao nguyên tài sản cho bà S theo biên bản bán đấu giá tài sản hoặc trả lại cho bà S phần giá trị tài sản bị phá dỡ nhưng không được chấp nhận.

Vì vậy, bà S đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B phải trả lại cho bà S số tiền tương ứng với phần tài sản bị phá, dỡ là 99.371.778 đồng; đồng thời yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà S theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/12/2021, bà S có đơn xin rút một phần khởi kiện về việc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà S theo quy định của pháp luật, không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu này nữa.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B trả lại cho bà Trần Thị Ngọc S số tiền 99.371.778 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B gửi tiết kiệm cho đến khi Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B trả lại hết số tiền 99.371.778 đồng cho bà Trần Thị Ngọc S.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B là ông Nguyễn Huy Th trình bày có nội dung: Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk tổ chức thi hành Bản án số 15/2017/DSST ngày 22 tháng 09 năm 2012 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định thi hành án số 199/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 01 năm

2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị Ánh Tr2, địa chỉ: tổ dân phố Z, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk phải trả nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh Bắc Đắk Lắk số tiền 2.471.156.250 đồng và lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 23/9/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị Ánh Tr2 không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp được xử lý để thu hồi nợ theo quy định.

Trong quá trình thi hành án, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh tài sản của ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị Ánh Tr2, tại biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 18 tháng 01 năm 2018 được ông Mai Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 cho biết vào năm 2002 ông, bà có nhận nhượng lại của ông Q, bà Tr2 diện tích đất khoảng 480 m² diện tích đất này là một phần của thửa đất số 279, tờ bản đồ số 01, được UBND huyện K (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 8506xx cấp ngày 17 tháng 07 năm 1993 cho ông Q, bà Tr2. Ông Đ, bà Tr1 đã xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất để ở từ đó cho đến nay. Chấp hành viên yêu cầu ông Đ, bà Tr1 cung cấp giấy tờ chứng minh việc sang nhượng đất của ông Q và bà Tr2 nhưng ông Đ và bà Tr1 không cung cấp được. Riêng đối với căn nhà cấp 4 diện tích 70 m² đang do ông Đ và bà Tr1 quản lý, sử dụng xây dựng trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông Q, bà Tr2 được chính quyền địa phương và ông Q, bà Tr2 cung cấp thì căn nhà này do chính ông Đ và bà Tr1 xây dựng.

Để bảo đảm thi hành án và bảo đảm quyền lợi của ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1, ngày 18 tháng 01 năm 2018 Chấp hành viên đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 10/QĐ-CCTHADS ngày kê biên diện tích đất 1.970 m² (trong đó đất ở 400 m², đất trồng cây hàng năm khác 1.570 m²) và tài sản của vợ chồng ông Q và bà Tr2 gắn liền với đất thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số 01, được UBND huyện K (nay là thị xã B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 8506xx cấp ngày 17 tháng 07 năm 1993 cho ông Q và bà Tr2. Sau khi kê biên, Chấp hành viên thông báo hợp lệ cho ông Đ và bà Tr1 biết quyền được khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông Đ và bà Tr1 đã khai báo là sang nhượng cho ông Q và bà Tr2, nhưng hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ ông Đ và bà Tr1 không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vậy, căn nhà của ông Đ, bà Tr1 xây trên đất của ông Q, bà Tr2 có trước khi ông Q, bà Tr2 (người phải thi hành án) nhận được quyết định thi hành án nên Chấp hành viên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 113 Luật Thi hành án dân sự 2014 để yêu cầu ông Đ, bà Tr1 tự nguyện di chuyển tài sản để trả quyền sử dụng đất cho người phải thi hành án, hoặc thỏa thuận bằng văn bản với người phải thi hành án về phương thức giải quyết tài sản. Nhưng hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ông Đ, bà Tr1 nhận được thông báo hợp lệ ông Đ, bà Tr1 không tự nguyện di chuyển tài sản để trả lại quyền sử dụng đất cũng như không thỏa thuận về phương thức giải quyết về căn nhà của ông Đ, bà Tr1 xây dựng trên đất với người phải thi hành án (ông Q, bà Tr2). Vì vậy, chấp hành viên đang xử lý tài sản là căn nhà xây của ông Đ, bà Tr1 cùng với

quyền sử dụng đất và sẽ thanh toán lại phần giá trị căn nhà cho ông Đ, bà Tr1.

Tài sản là căn nhà của ông Đ, bà Tr1 đã được định giá với giá khởi điểm 133.349.140 đồng, sau 03 lần giảm giá thì giá trị còn lại là 99.371.778 đồng.

Ngày 27/11/2019 tài sản kê biên của ông Q, bà Tr2 và tài sản của ông Mai Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 xây dựng trên đất của ông Q và bà Tr2 đã được Công ty Đấu giá H tổ chức bán đấu giá thành, người mua được tài sản là bà Trần Thị Ngọc S với giá: 1.115.700.000 đồng trong đó giá trị phần tài sản là căn nhà xây của ông Đ, bà Tr1 là 99.371.778 đồng. Như vậy, căn nhà không còn thuộc quyền sở hữu của ông Đ, bà Tr1 nữa mà thuộc quyền sở hữu của người mua được tài sản đấu giá.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B đã tiến hành giao tài sản đấu giá cho bà Trần Thị Ngọc S. Khi đến tại thửa đất thì ông Mai Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 đang cho người tháo dỡ và đập phá tài sản là căn nhà đã được bà S mua đấu giá. Do vậy, việc bàn giao tài sản là căn nhà của ông Đ, bà Tr1 không thực hiện được.

Hiện số tiền là giá trị căn nhà mà bà S mua là 99.371.778 đồng đang được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữ lại. Số tiền này được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B gửi tiết kiệm không kỳ hạn theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B đề nghị Tòa án buộc ông Mai Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1 bồi thường giá trị căn nhà cho bà Trần Thị Ngọc S đã mua trúng đấu giá với giá trị 99.371.778 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S, buộc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B phải trả lại cho bà S số tiền 99.371.778 đồng trị giá căn nhà của ông Đ, bà Tr đã bị phá bỏ, hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữ và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B gửi tiết kiệm cho đến khi Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B trả lại hết số tiền 99.371.778 đồng cho bà Trần Thị Ngọc S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 22/11/2021 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 26/11/2021 nguyên đơn có ý kiến không đồng ý hoà giải, đối thoại tại Tòa án; ngày 30/11/2021 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 06/12/2021 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí, ngày 08/12/2021 nộp

biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 13 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

[4.1] Về Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 27/11/2019, tại Công ty Đấu giá H, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S (là người mua được tài sản bán đấu giá) và bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B (là bên có tài sản bán đấu giá) ký kết Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 02/2019/HĐMB. Hợp đồng được công chứng đúng quy định.

Theo hợp đồng, tài sản mà nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S mua được là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Ánh Tr2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B8506xx do UBND huyện K (nay là thị xã B) cấp ngày 17/7/1993, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 01, diện tích là 1.970 m²; giá bà S mua trúng qua đấu giá là 1.115.700.000 đồng. Trong tài sản mua được này, ngoài các tài sản của người phải thi hành án là ông Qu và bà Tr2 còn có tài sản là 01 căn nhà cấp IV, diện tích 70 m²; mái hiên 45m² của ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 có giá trị 99.371.778 đồng. Việc đấu giá đã tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch.

Ngày 29/11/2019, bà S đã nộp đủ số tiền của bên mua tài sản vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đã thực hiện nghĩa vụ của bên mua tài sản bán đấu giá theo Hợp đồng đã ký kết.

Việc bên bán tài sản đấu giá là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B không bàn giao được tài sản là 01 căn nhà cấp IV, diện tích 70 m²; mái hiên 45m² của ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 có giá trị 99.371.778 đồng cho bên mua là vi phạm nghĩa vụ của bên bán tài sản theo Điều 12 của Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 02/2019/HĐMB mà hai bên đã ký kết vào ngày 27/11/2019.

Đồng thời, hiện số tiền là giá trị căn nhà mà bà S mua là 99.371.778 đồng đang được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữ lại mà chưa giao cho ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc S về việc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B phải trả lại cho bà S số tiền 99.371.778 đồng trị giá tương ứng với phần tài sản mà bà S không được bàn giao là có căn cứ cần chấp nhận,

phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 4, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Luật đấu giá tài sản; Điều 430, Điều 437 Bộ luật dân sự.

[4.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S về việc buộc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà S theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút phần yêu cầu khởi kiện này nên Hội đồng xét xử đình chỉ không xem xét giải quyết là phù hợp với Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.3] Xét ý kiến của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B: Buộc ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 phải bồi thường cho bà S số tiền tương ứng với phần tài sản bị phá, dỡ là 99.371.778 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tài sản của ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1, việc ông Đ và bà Tr1 phá, dỡ, di dời tài sản mà không nhận giá trị tài sản bằng tiền mặt là quyền tự định đoạt của ông Đ, bà Tr1; mặt khác hiện số tiền là giá trị căn nhà của ông Đ, bà Tr1 đang do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữ, chưa giao cho ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 nên ý kiến của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.4] Đối với khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền 99.371.778 đồng kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B gửi tiết kiệm cho đến khi Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B trả lại hết số tiền 99.371.778 đồng cho bà Trần Thị Ngọc S; nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S có yêu cầu nhận số tiền này. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.484.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008379 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B phải chịu 4.968.588 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; Điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 4, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 437 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Ngọc S.

Buộc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk phải trả cho bà Trần Thị Ngọc S số tiền 99.371.778 đồng (Chín mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi một ngàn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) và khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền 99.371.778 đồng kể từ ngày Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B gửi tiết kiệm cho đến khi Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B trả lại hết số tiền 99.371.778 đồng cho bà Trần Thị Ngọc S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S về việc buộc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà S theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ngọc S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.484.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008379 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B phải chịu 4.968.588 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi văn Khanh